

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HS-ST
Ngày 16-9-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Ngọc Dung.

Bà Hoàng Thu Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lộc Văn Đông, ông Nguyễn Văn Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 8 năm 2025, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số: 03/2025/TB-TA ngày 09 tháng 9 năm 2025, đối với bị cáo:

Nông Minh Đ, sinh ngày 24 tháng 5 năm 1993, tại Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn P, xã C, tỉnh Lạng Sơn); nghề nghiệp: Nguyên cán bộ Công an huyện C; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn K (đã chết) và bà Nông Thị L; vợ con chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/12/2024 đến nay. Có mặt.

- Bị hại: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn C, xã T, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nông Quốc H, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn T, xã C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Ông Nông Tiến H1, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn T, xã C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3. Bà Nông Thị L, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn P, xã C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

4. Chị Phan Thị Bích N1, sinh năm 1997. Địa chỉ: Xóm B, xã Y, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

5. Anh Hoàng Khánh H2, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số A Chung cư T, xã T, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

6. Chị Ngô Hồng N2, sinh năm 1990. Địa chỉ: Xóm M, xã C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn N quen biết Nông Minh Đ thông qua mạng xã hội Facebook vào đầu năm 2024. Khoảng tháng 03/2024, Đ gọi điện cho N giới thiệu Nông Quốc H có nhu cầu mua xe ô tô trả góp và gửi ảnh căn cước công dân làm thủ tục mua xe mang tên H, nhưng N chưa thực hiện được.

Đến tháng 7/2024, Đ tiếp tục gửi cho N ảnh căn cước công dân của H, kèm số điện thoại 0968.700.171 và số tài khoản 8412281016297 mang tên H mở tại Ngân hàng A, nhờ Nhiệm làm thủ tục mua xe ô tô trả góp đứng tên H. Sau đó, N điện thoại cho H bảo do Đ ăn nói lưu loát nên để Đ sử dụng số điện thoại và tài khoản ngân hàng của H làm thủ tục, H đồng ý.

Nhiệm liên lạc và gửi các thông tin của H cho Phan Thị Bích N1, nhân viên bán xe ô tô của Công ty F, Thành phố Hà Nội nhờ tìm nơi mua, hướng dẫn làm thủ tục mua xe trả góp. Sau đó, N1 liên hệ và gửi các thông tin của H cho Hoàng Khánh H2 nhân viên bán xe ô tô của Công ty T4 Chi nhánh P2, Thành phố Hà Nội để H2 làm Hợp đồng mua bán xe ô tô Toyota Hilux, với giá 979.000.000 đồng cho H. H2 yêu cầu đặt cọc 299.000.000 đồng (tiền đối ứng vay mua xe ô tô), N liên hệ với Đ trao đổi về việc đặt cọc tiền thì Đ nhờ N ứng trước, nên trong các ngày 15/7/2024 và 31/7/2024, N đã chuyển khoản 297.000.000 đồng cho N1, rồi N1 chuyển khoản 299.000.000 triệu đồng cho H2 để đặt cọc đối ứng vay mua xe trả góp mang tên H (gồm 297.000.000 đồng của N và 2.000.000 đồng Ngọc ứng cho N mượn).

Khi Ngân hàng V xác minh thấy H không đủ điều kiện vay nên không duyệt Hợp đồng mua xe trả góp. Sau đó Hoàng Khánh H2 liên hệ với Đ trao đổi theo quy định muốn lấy lại tiền đặt cọc 299.000.000 đồng thì phải chuyển cho H2 20.000.000 đồng tiền bảo hiểm hợp đồng thì mới được hoàn lại tiền đặt cọc. Đ trao đổi lại với N, N nói 20.000.000 đồng là nhiều, chỉ đồng ý chuyển 5.000.000 đồng để lấy lại tiền đặt cọc. Nhưng đến ngày 23/8/2024 Đ vẫn dùng tài khoản số 0366360572 Ngân hàng MB mang tên Nông Tiến H1 (tài khoản này do Đ sử dụng) chuyển 20.000.000 đồng tiền bảo hiểm hợp đồng cho Hoàng Khánh H2 để lấy lại tiền đặt cọc. Sau khi Đ chuyển tiền bảo hiểm, cùng ngày 23/8/2024, Hoàng Khánh H2 đã chuyển 299.000.000 đồng vào tài khoản 8412281016297 mở tại Ngân hàng A của Nông Quốc H (tài khoản này do Đ quản lý, sử dụng) vì H là người đứng tên trong Hợp đồng mua xe.

Sau khi biết H2 đã chuyển trả lại tiền đặt cọc, N gọi điện cho Đ yêu cầu trả lại số tiền 299.000.000 đồng. Nhưng tại thời điểm đó do Đ đang nợ tiền nhiều người và cần tiền chi tiêu cá nhân nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên, Đ nói dối N, Đ chỉ là người giới thiệu, không liên quan gì, số điện thoại 0968.700.171 và tài khoản ngân hàng số 8412281016297 mở tại Ngân hàng A là do H quản lý, sử dụng. Nhưng thực tế, Đ đã sử dụng hết số tiền 299.000.000 đồng có trong tài khoản ngân hàng số 8412281016297 mang tên Nông Quốc H. Xác định số tiền Đ đã chiếm đoạt của N là 279.000.000 đồng (được trừ đi số tiền 20.000.000 đồng là tiền bảo hiểm Đ đã chuyển cho đại lý ô tô trước đó để lấy lại tiền cọc), cụ thể như sau:

Ngày 24 và ngày 25/8/2024, Đ chuyển đến tài khoản 19050100528019 mang tên Triệu Văn T1, sinh năm 1974, trú tại thôn C, xã T, huyện C mở tại Ngân hàng T5 chi nhánh B (Đ là người sử dụng tài khoản này) số tiền 65.000.000 đồng. Sau khi nhận được số tiền này, Đ sử dụng tài khoản 19050100528019 chuyển 55.000.000 đồng đến tài khoản 102879471334 của Đ, 10.000.000 đồng chuyển đến tài khoản số 0366360572 mang tên Nông Tiến H1 (tài khoản này cũng do Đ sử dụng).

Cùng ngày 24/8/2024, tại cửa hàng tạp hóa của bà Dương Thị H3, địa chỉ tại xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (Nay là xã T, tỉnh Thái Nguyên) Đ chuyển 2.000.000 đồng đến tài khoản 108872706606 mang tên Dương Thị H3 và nhận lại 2.000.000 đồng tiền mặt từ bà H3.

Ngày 24/8/2024, Đ chuyển đến tài khoản 107006012666 mang tên Lành Thu T2, sinh năm 1993, trú tại khu phố X, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh (Nay là phường N, tỉnh Bắc Ninh) là bạn của Đ số tiền 5.000.000 đồng, trong đó 2.000.000 đồng là tiền Đ trả nợ cho T2, còn 3.000.000 đồng Đ bảo T2 chuyển lại vào tài khoản 102879471334 của Đ.

Ngày 24/8/2024, Đ chuyển đến tài khoản 8290171998888 tên Đoàn Văn P, sinh năm 1993, trú tại Xóm K, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (Nay là Xóm K, xã N, tỉnh Ninh Bình), công tác tại Đội Cảnh sát Thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp Công an huyện N, tỉnh Nam Định (P là bạn học của Đ) số tiền 5.000.000 đồng là tiền Đ trả nợ cho P.

Ngày 25/8/2024, Đ chuyển đến tài khoản 103880858857 mang tên Hoàng Kim H4, sinh năm 1995, trú tại khu L, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (Nay là thôn L, xã C, tỉnh Lạng Sơn) là nhân viên bán xăng tại cây xăng C 02 lần tổng cộng 5.500.000 đồng, để trả tiền mua xăng 500.000 đồng và nhận lại 5.000.000 đồng tiền mặt từ H4.

Ngày 25/8/2024, H, Đ cùng bạn của Đ là Phạm Văn T3, sinh năm 1993, trú tại khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (Nay là thôn H, xã C, tỉnh Lạng Sơn) đi Bắc Ninh, trên đường đi Đ hỏi T3 có tài khoản Ngân hàng A không. Sau đó, Đ sử dụng điện thoại của Đ và đưa điện thoại cho H để quét sinh trắc học khuôn mặt của H rồi chuyển 10.000.000 đồng từ tài khoản số 8412281016297 của

Nông Quốc H vào tài khoản của T3, sau đó Tôn chuyển lại 10.000.000 đồng đến tài khoản số 102879471334 của Đ.

Ngày 25/8/2024, Đ chuyển đến tài khoản 0332554803 mang tên Đàm Quốc K1, nguyên là cán bộ đội Cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy - Công an huyện C (là bạn của Đ đã xuất ngũ hiện sống tại thành phố Hồ Chí Minh) số tiền 5.000.000 đồng là tiền Đ trả nợ cho K1.

Ngày 25/8/2024, Đ tiếp tục chuyển khoản đến tài khoản 107874064070 mang tên Hứa Thị P1, sinh năm 1987, trú tại thôn L, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (Nay là thôn Làng Càng, xã C, tỉnh Lạng Sơn) là nhân viên bán xăng tại cây xăng C1 2.000.000 đồng, để nhận lại 2.000.000 đồng tiền mặt từ P1.

Số tiền 500.000 đồng còn lại trong tài khoản, Đ đã chi tiêu cá nhân, không nhớ cụ thể chi vào việc gì.

Tiếp đó, sáng ngày 26/8/2024, Đ sử dụng xe ô tô Biển kiểm soát 12A - 174.07 mượn của người quen là Ngô Hồng N2 đi đến nhà H yêu cầu H đến Phòng G thuộc Chi nhánh Ngân hàng Agribank huyện A để rút tiền trong tài khoản số 8412281016297 của H đưa cho Đ. Tại quầy Đ bảo nhân viên ngân hàng cho rút hết số tiền hiện có trong tài khoản của H. Nhân viên ngân hàng đồng ý, nên H ở quầy làm thủ tục rút tiền. Còn Đ vào ngồi nói chuyện ở phòng lãnh đạo ngân hàng. Sau khi rút tiền xong, H lên xe ô tô và đưa cho Đ túi tiền bên trong có 199.000.000 đồng vừa rút từ ngân hàng, nhận tiền xong, Đ đưa H đến khu vực thôn Q, xã C để H xuống đón xe đi Thái Nguyên. Sau đó Đ đã chi tiêu cá nhân hết số tiền 199.000.000 đồng trên (không nhớ đã chi tiêu cụ thể vào việc gì).

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo đã thỏa thuận bồi thường cho bị hại Phạm Văn N số tiền 100.000.000 đồng. Bị hại Phạm Văn N không yêu cầu bồi thường thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Với nội dung như trên Cáo trạng số: 80/CT-VKSLS-P1 ngày 01 tháng 8 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, đã truy tố bị cáo Nông Minh Đ về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Tại phiên bà Nông Thị L yêu cầu được nhận lại số tiền 7.000.000 đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh, đối với số tiền bồi thường cho bị hại 100.000.000 đồng không yêu cầu bị cáo trả lại.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nông Minh Đ, phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về vật chứng đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Nông Minh Đ 01 phong bì niêm phong bên trong có 03 chiếc điện thoại di động (gồm 01 điện thoại IPHONE 15 PRO MAX, số sê ri F02G9QR2N2; 01 điện thoại IPHONE màu đen; 01 điện thoại

IPHONE màu hồng); 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL Device màu đen kèm theo 01 chuột máy tính, 01 dây sạc máy tính. Trả lại cho bà Nông Thị L số tiền 7.000.000 đồng. Trả lại cho chị Ngô Hồng N2 01 bộ hồ sơ vay trả góp xe ô tô BKS 12A - 174.07. Trả lại cho anh Nông Quốc H 01 chiếc điện thoại REDMI, màu xanh - trắng; 01 phong bì đã niêm phong bên trong có 01 sim điện thoại Viettel. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại IPHONE XS MAX, màu vàng. Tịch thu tiêu hủy: 01 sim Viettel 4G số 8984048000916898660; 01 sim Viettel 4G số 8984048000384140617; 01 sim Viettel số 8984048000384743163; 01 sim Vinaphone số 89840200011491218309; 01 sim 4G số 20188186080055942832; 01 thẻ ATM của Ngân hàng T6 mang tên NONG TIEN HUU; 01 thẻ Visa của Ngân hàng T6 mang tên PHUNG VAN BAC; 01 thẻ Visa số 4541190130552935 của Ngân hàng V mang tên NGUYEN QUANG HUNG; 01 thẻ Visa số 4786689907747283 của Ngân hàng V mang tên NGUYEN QUANG HUNG. Về dân sự xác nhận bị cáo và bị hại đã thoả thuận xong việc bồi thường. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa không ai có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Trong tháng 8 năm 2024, tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã C, tỉnh Lạng Sơn), bị cáo Nông Minh Đ chuyển 20.000.000 đồng tiền bảo hiểm để đại lý ô tô trả lại 299.000.000 đồng tiền đặt cọc mua xe ô tô trả góp, sau khi nhận được tiền đặt cọc bị cáo Nông Minh Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt và đã sử dụng hết số tiền 279.000.000 đồng của bị hại Phạm Văn N (trừ đi số tiền 20.000.000 đồng tiền bảo hiểm) để trả nợ và chi tiêu cho bản thân. Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do đó, hành vi của bị cáo Nông Minh Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, được quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, quyền này được pháp luật bảo vệ.

Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền một cách nhanh chóng bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

[4] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, lần phạm tội này là lần đầu. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại; quá trình công tác bị cáo được Chủ tịch nước tặng Huy chương Chiến sỹ vẻ vang hạng ba, nhiều lần được Công an tỉnh L, Công an huyện C, Ủy ban nhân dân huyện C tặng Giấy khen, danh hiệu Chiến sỹ thi đua; ngoài ra bị cáo có ông nội, ông ngoại được Nhà nước tặng thưởng Huân chương, Huy chương kháng chiến hạng nhất, hạng nhì và bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng, bị cáo không có.

[5] Xét lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân và đề nghị mức hình phạt dưới khung theo Điều 54 của Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo là phù hợp để cải tạo, giáo dục bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, đồng thời đảm bảo tính chất răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, theo biên bản xác minh và qua tranh tụng tại phiên tòa thể hiện bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trước khi mở phiên tòa các bên đã tự nguyện thỏa thuận xong, theo đó bị cáo Nông Minh Đ đã tác động gia đình (mẹ bị cáo bà Nông Thị L) bồi thường tổng số tiền 100.000.000 đồng cho bị hại, bị hại ông Phạm Văn N không yêu cầu bồi thường thêm, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, đối với vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội thì trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp; đối với vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội tịch thu nộp ngân sách; đối với vật chứng không có giá trị thì tịch thu tiêu hủy. Đối với vật chứng Cơ quan điều tra đã xử lý Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[9] Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

[10] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 175; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2, điểm b khoản 3

Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Minh Đ, phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nông Minh Đ, 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/12/2024.

3. Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo Nông Minh Đ: 01 Phong bì niêm phong bên trong có 03 chiếc điện thoại di động (gồm 01 điện thoại IPHONE 15 PRO MAX, số sê ri F02G9QR2N2, bên trong gắn thẻ sim số 0966.585.345; 01 điện thoại IPHONE màu đen, không gắn thẻ sim; 01 điện thoại IPHONE màu hồng, không gắn thẻ sim); 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL Device màu đen kèm theo 01 chuột máy tính, 01 dây sạc máy tính.

- Trả lại cho bà Nông Thị L số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), đã nộp theo Biên lai thu tiền số: 0006381 ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

- Trả lại cho chị Ngô Hồng N2: 01 bộ hồ sơ vay trả góp xe ô tô BKS 12A - 174.07.

- Trả lại cho anh Nông Quốc H: 01 phong bì đã niêm phong 01 chiếc điện thoại REDMI, màu xanh - trắng, bên trong có sim số thuê bao 0829.216.268; 01 phong bì đã niêm phong bên trong có 01 sim điện thoại mạng di động Viettel, có dãy số 8984048000071915467.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 phong bì đã niêm phong bên trong có 01 điện thoại IPHONE XS MAX, màu vàng, số IMEI 1 353097101843976, số IMEI 2 353097101861127.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 sim Viettel 4G số 8984048000916898660; 01 sim Viettel 4G số 8984048000384140617; 01 sim Viettel số 8984048000384743163; 01 sim Vinaphone số 89840200011491218309; 01 sim 4G số 20188186080055942832; 01 thẻ ATM số 9704231396578578 của Ngân hàng T6 mang tên NONG TIEN HUU; 01 thẻ Visa số 4665840381312112 của Ngân hàng T6 mang tên PHUNG VAN BAC; 01 thẻ Visa số 4541190130552935 của Ngân hàng V mang tên NGUYEN QUANG HUNG; 01 thẻ Visa số 4786689907747283 của Ngân hàng V mang tên NGUYEN QUANG HUNG.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Lạng Sơn, chi tiết được mô tả theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 05 tháng 8 năm 2025)

4. Về án phí: Bị cáo Nông Minh Đ phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 4 - Lạng Sơn;
- Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Hải Đoàn